TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày 29 - 11 - 2019
"V/v *tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP C với bà Ngọ Thị H, ông Nguyễn Ánh N"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Tụ

2. Bà Nguyễn Thị Huề

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C; địa chỉ trụ sở chính: Số A - Đ, Quận K, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần C; người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1977; chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP C-Chi nhánh Thái Bình; địa chỉ trụ sở chi nhánh: Số A1 Phố Tr, thành phố B, tỉnh Thái Bình *(theo văn bản ủy quyền số 907/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 16/11/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP C).*

Bị đơn: Bà Ngọ Thị H, sinh năm 1986 và ông Nguyễn Ánh N, sinh năm 1982; cùng địa chỉ: Thôn L, xã C1, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, vắng mặt bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần C trình bày: Ngày 13/12/2018, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (Ngân hàng) - Chi nhánh Thái Bình đã cho vợ chồng bà Ngọ Thị H và ông Nguyễn Ánh N vay tiền theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2018-HĐCVHM/NHCT360-N T H. Hạn mức cho vay là 1.000.000.000 đồng; số tiền giải ngân là 1.000.000.000 đồng, ngày giải ngân đầu tiên là 13/12/2018; thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 13/12/2018 đến ngày 13/12/2019. Tài sản bảo đảm cho khoản tiền vay là giá trị quyền sử dụng 02 thửa đất số 1017 và 1018, tờ bản đồ số 8 tại thôn Đ1, xã C1, huyện Q, tỉnh Thái Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên bà Ngọ Thị H và ông Nguyễn Ánh N. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H, ông N mới trả được 19.270.686 đồng tiền lãi, sau đó không trả thêm khoản nào khác và còn trốn tránh nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng. Tính đến ngày 29/11/2019, bà H, ông N còn nợ Ngân hàng tiền gốc 1.000.000.000 đồng; lãi trong hạn 68.160.821 đồng; lãi phạt quá hạn 20.773.973 đồng, tổng cộng là 1.088.934.793đ (*Một tỷ không trăm tám mươi tám triệu chín trăm ba mươi tư nghìn bảy trăm chín mươi ba đồng*). Nay Ngân hàng yêu cầu:

1. Bà Ngọ Thị H và ông Nguyễn Ánh N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc, số tiền lãi trong hạn, số tiền lãi phạt quá hạn, tổng cộng là 1.088.934.793đ (*Một tỷ không trăm tám mươi tám triệu chín trăm ba mươi tư nghìn bảy trăm chín mươi ba đồng*) và các khoản lãi phát sinh từ sau khi xét xử đến khi thanh toán xong khoản nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2018-HĐCVHM/NHCT360-N T H ngày 13/12/2018.

2. Trường hợp bà Ngọ Thị H và ông Nguyễn Ánh N không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án tiến hành kê biên, bán các tài sản bảo đảm gồm Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/HĐTC ngày 03/01/2018 để thu hồi nợ.

Bà Ngọ Thị H và ông Nguyễn Ánh N phải trả lại Ngân hàng số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) nộp chi phí về việc xem xét, thẩm định tại chỗ.

Đối với bị đơn là vợ chồng bà Ngọ Thị H và ông Nguyễn Ánh N: Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án đã xuống địa phương nơi bà H, ông N cư trú nhưng bà H, ông N không có mặt tại gia đình, Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo

về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng các thủ tục tố tụng tại địa phương theo quy định của pháp luật nhưng bà H, ông N vẫn không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng.

Kết quả xác minh với chính quyền địa phương xã C1được cung cấp: Vợ chồng bà Ngọ Thị H, ông Nguyễn Ánh N có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa phương. Khoảng từ sau tết nguyên đán 2019, bà H, ông N thường xuyên không có mặt tại địa phương, ông bà không làm thủ tục tạm vắng nên địa phương không rõ ông bà đi đâu, làm gì. Từ khi Tòa án niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Cvới bà H, ông N, có vài lần thấy bà H về địa phương sau đó lại đi ngay, không ở nhà lâu; hiện tại ở địa phương không có người thân thích nào của bà H, ông N.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ xác định: Bà H, ông Nlà chủ sử dụng hai thửa đất số1017 và 1018, tờ bản đồ số 8 và các công trình xây dựng trên diện tích hai thửa đất trên tại thôn Đ1, xã C1, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, do đó Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các điều khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 7; 8; 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi quá hạn. Xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP C, buộc vợ chồng bà Ngọ Thị H và ông Nguyễn Ánh N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Ckhoản tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử.

Trường hợp bà Ngọ Thị H và ông Nguyễn Ánh N không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án tiến hành kê biên, bán các tài sản bảo đảm gồm Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/HĐTC ngày 03/01/2018 để thu hồi nợ.

Bà Ngọ Thị H và ông Nguyễn Ánh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, bị đơn là vợ chồng bà Ngọ Thị H và ông Nguyễn Ánh N có nơi cư trú tại xã C1, huyện Q, tỉnh Thái Bình, căn cứ các điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; bị đơn là vợ chồng bà Ngọ Thị H và ông Nguyễn Ánh N là người đang thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP C nhưng thường xuyên không có mặt tại nơi cư trú, không thông báo địa chỉ nơi ở mới cho Ngân hàng; kết quả xác minh cho thấy: Vợ chồng bà H, ông N không làm thủ tục tạm vắng với địa phương; từ khi Tòa án có thông báo về việc thụ lý vụ án, có vài lần bà H về nhà, điều đó cho thấy bà H, ông N cố tình giấu địa chỉ; Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng tại nơi cư trú của bà H, ông N theo quy định của pháp luật; căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông N.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về đòi nợ gốc, lãi trong hạn và lãi phạt thấy: Ngân hàng TMCP Cvà vợ chồng bà Ngọ Thị H, ông Nguyễn Ánh N đã ký Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2018-HĐCVHM/NHCT360-N T H ngày 13/12/2018 có nội dung ngân hàng cho bà H, ông N vay số tiền 1.000.000.000đ; thời hạn duy trì hạn mức là 01 năm, kể từ ngày 13/12/2018 đến ngày 13/12/2019; lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh, thời điểm trả lãi và điều chỉnh lãi là ngày 25 hàng tháng, tại thời điểm cho vay lãi suất là 9.5%/năm, từ 25/02/2019 điều chỉnh lãi suất 9%/năm. Theo đó, Ngân hàng đã giải ngân cho bà H, ông N số tiền vay được thể hiện tại giấy nhận nợ số 01 ngày 13/12/2018 số tiền 500.000.000 đồng, ngày trả nợ 13/6/2019 và giấy nhận nợ số 02 ngày 14/12/2018 số tiền 500.000.000 đồng, ngày trả nợ 14/6/2019. Sau khi giải ngân, bà H và ông Nđã trả lãi trong hạn được 19.270.686 đồng, sau đó không trả thêm được khoản nào khác. Ngân hàng đã lập 02 biên bản làm việc với bà H vào các ngày 06/3/2019 và 14/3/2019 với nội dung đã phát sinh nợ quá hạn, yêu cầu trả lãi đúng hạn nhưng bà H, ông N trốn tránh, không thực hiện. Xét thấy Hợp đồng tín dụng được các bên ký kết là tự nguyện và đúng quy định pháp luật; việc tính lãi trong hạn và lãi quá hạn trên nợ gốc như yêu cầu của Ngân hàng đối với bà H ông N phù hợp với hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ, các thỏa thuận đã ký kết giữa các bên, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về yêu cầu kê biên, bán các tài sản bảo đảm gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất để thu hồi nợ: Tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/HĐTC ngày 03/01/2018, thì tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất ở nông thôn tại thửa đất số 1017 và 1018, tờ bản đồ số 8 tại thôn Đ1, xã C1, huyện Q, tỉnh Thái Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 141602 (100m^2), số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 03273 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 141603 (100m^2), số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 03274 do UBND huyện Q cấp cùng ngày 03/8/2016 mang tên bà Ngọ Thị H, ông Nguyễn Ánh N. Các bên thống nhất, nếu bà H, ông N không thực hiện kịp thời, đầy đủ nghĩa vụ được bảo đảm khi đến hạn thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp. Xét thấy hợp đồng thế chấp tài sản đã đảm bảo tính pháp lý về hình thức và nội dung, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006. Như vậy việc thế chấp tài sản đảm bảo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực, cần chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, bà H và ông Nphải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, do đó bà H và ông Nphải có trách nhiệm hoàn trả Ngân hàng 2.000.000 đồng trên.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải nộp tiền án phí, hoàn trả Ngân hàng số tiền đã nộp tạm ứng án phí. Bị đơn là bà H, ông N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 7, 8, 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi quá hạn; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C: Buộc bà Ngọ Thị H và ông Nguyễn Ánh N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng; lãi trong hạn đến ngày 29 tháng 11 năm 2019 là 68.160.821 đồng; lãi quá hạn 20.773.973 đồng, tổng cộng là 1.088.934.793đ (*Một tỷ không trăm tám mươi tám triệu chín trăm ba mươi tư nghìn bảy trăm chín mươi ba đồng*).

2. Khi bản bán có hiệu lực pháp luật mà bà Ngọ Thị H và ông Nguyễn Ánh N không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, bán tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/HĐTC ngày 03/01/2018 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1017 và 1018, tờ bản đồ số 8 tại thôn Đ1, xã C1, huyện Q, tỉnh Thái Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 141602 (100m^2), số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 03273 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 141603 (100m^2), số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 03274 do UBND huyện Q cấp cùng ngày 03/8/2016 mang tên bà Ngọ Thị H, ông Nguyễn Ánh N để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Ngọ Thị H và ông Nguyễn Ánh N có trách nhiệm hoàn trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần C số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*).

4. Về án phí: Bà Ngọ Thị H và ông Nguyễn Ánh N phải chịu 44.668.043đ (*Bốn mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn không trăm bốn mươi ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 21.440.000đ (*Hai mươi mốt triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 003969 ngày 23/7/2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Ngọ Thị H và ông Nguyễn Ánh N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Ngọ Thị H và ông Nguyễn Ánh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã C1, huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hương Liên